HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG VỀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ ĐỢT 8 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng về Nghiệp vụ báo chí đợt 8 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 4455-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 13/9/2026 đến ngày 08/11/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Phí Thị Vân Anh	01.9.1986	Hà Nội	Nữ	Kinh	001186039896	HBT/BD 007210	NVBC08/2026.01	
2	Trần Mai Anh	19.11.2005	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025305002211	HBT/BD 007211	NVBC08/2026.02	
3	Lê Thị Hoàng Anh	26.9.1980	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	019180002668	HBT/BD 007212	NVBC08/2026.03	
4	Đỗ Quang Anh	13.7.1992	Hà Nội	Nam	Kinh	001092046317	HBT/BD 007213	NVBC08/2026.04	
5	Trần Hà Quỳnh Anh	20.12.2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	026303003567	HBT/BD 007214	NVBC08/2026.05	
6	Trần Ngọc Ánh	22.3.1984	Ninh Bình	Nam	Kinh	036084013584	HBT/BD 007215	NVBC08/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Mai Thị Ngọc Ánh	28.11.2005	Phú Thọ	Nữ	Kinh	017305005005	HBT/BD 007216	NVBC08/2026.07	
8	Phạm Thị Chiên	01.11.1990	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030190000488	HBT/BD 007217	NVBC08/2026.08	
9	Đào Thùy Dung	13.10.2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031300002433	HBT/BD 007218	NVBC08/2026.09	
10	Lê Minh Dương	08.11.2002	Ninh Bình	Nam	Kinh	037202000698	HBT/BD 007219	NVBC08/2026.10	
11	Nguyễn Ngọc Duy	29.3.1992	Hà Nội	Nam	Kinh	001092028939	HBT/BD 007220	NVBC08/2026.11	
12	Võ Thị Thu Hà	06.4.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305002630	HBT/BD 007221	NVBC08/2026.12	
13	Nguyễn Minh Hào	05.01.2005	An Giang	Nam	Kinh	089205000816	HBT/BD 007222	NVBC08/2026.13	
14	Đỗ Thị Thu Hiền	14.8.1997	Điện Biên	Nữ	Kinh	011197006349	HBT/BD 007223	NVBC08/2026.14	
15	Hoàng Văn Hiệp	17.8.1991	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038091040477	HBT/BD 007224	NVBC08/2026.15	
16	Trịnh Thị Phương Hoa	06.8.1982	Hà Nội	Nữ	Kinh	001182016088	HBT/BD 007225	NVBC08/2026.16	
17	Nguyễn Thị Hòa	01.12.1986	Hưng Yên	Nữ	Kinh	033186000082	HBT/BD 007226	NVBC08/2026.17	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
18	Tống Lam Hồng	06.5.1977	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036177015286	HBT/BD 007227	NVBC08/2026.18	
19	Lưu Thị Hồng	08.9.1995	An Giang	Nữ	Kinh	089195004947	HBT/BD 007228	NVBC08/2026.19	
20	Nguyễn Thị Hương	18.01.1984	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036184011771	HBT/BD 007229	NVBC08/2026.20	
21	Nguyễn Thị Hương	21.12.1979	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036179000741	HBT/BD 007230	NVBC08/2026.21	
22	Đoàn Thị Thu Hương	05.02.1983	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025183007106	HBT/BD 007231	NVBC08/2026.22	
23	Nguyễn Văn Huỳnh	06.01.1987	Ninh Bình	Nam	Kinh	036087020013	HBT/BD 007232	NVBC08/2026.23	
24	Trần Hồng Khanh	10.01.1987	Cần Thơ	Nam	Kinh	092087003421	HBT/BD 007233	NVBC08/2026.24	
25	Nguyễn Ngọc Lan	20.4.1983	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044183008631	HBT/BD 007234	NVBC08/2026.25	
26	Nguyễn Thị Liên	26.5.1983	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	042183000574	HBT/BD 007235	NVBC08/2026.26	
27	Lê Thùy Linh	17.5.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	001180035672	HBT/BD 007236	NVBC08/2026.27	
28	Nguyễn Khánh Linh	19.5.2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038304024353	HBT/BD 007237	NVBC08/2026.28	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
29	Nguyễn Văn Long	02.8.1984	Đắk Lắk	Nam	Kinh	066084000212	HBT/BD 007238	NVBC08/2026.29	
30	Vũ Bình Long	02.7.1984	Ninh Bình	Nam	Kinh	036084012271	HBT/BD 007239	NVBC08/2026.30	
31	Trần Thị Tuyết Mai	20.4.1975	Hà Nội	Nữ	Kinh	001175008256	HBT/BD 007240	NVBC08/2026.31	
32	Phan Ngọc	01.01.1971	Quảng Nam	Nam	Kinh	049071000682	HBT/BD 007241	NVBC08/2026.32	
33	Nguyễn Bích Ngọc	27.10.2005	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	002305001749	HBT/BD 007242	NVBC08/2026.33	
34	Trần Tâm Nguyên	22.8.2006	Lào Cai	Nữ	Kinh	010306003316	HBT/BD 007243	NVBC08/2026.34	
35	Trương Văn Phồn	05.4.1974	Bắc Ninh	Nam	Kinh	027074008826	HBT/BD 007244	NVBC08/2026.35	
36	Trần Thị Cẩm Phương	16.01.1997	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	087197007990	HBT/BD 007245	NVBC08/2026.36	
37	Vũ Thị Minh Phương	05.01.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305000019	HBT/BD 007246	NVBC08/2026.37	
38	Lê Như Quỳnh	07.7.2006	Lào Cai	Nữ	Kinh	010306001002	HBT/BD 007247	NVBC08/2026.38	
39	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20.10.2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	072300007086	HBT/BD 007248	NVBC08/2026.39	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
40	Ngô Như Quỳnh	16.6.2006	Cà Mau	Nữ	Kinh	096306005321	HBT/BD 007249	NVBC08/2026.40	
41	Võ Thị Thanh Tâm	09.9.1984	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	042184015401	HBT/BD 007250	NVBC08/2026.41	
42	Nguyễn Bá Thắng	15.8.1987	Hải Phòng	Nam	Kinh	031087008102	HBT/BD 007251	NVBC08/2026.42	
43	Nguyễn Thị Minh Thiện	26.10.1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	051180000824	HBT/BD 007252	NVBC08/2026.43	
44	Triệu Đình Thu	31.01.2000	Phú Thọ	Nam	Kinh	025200004908	HBT/BD 007253	NVBC08/2026.44	
45	Nguyễn Thị Thu Thủy	18.02.1977	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025177001222	HBT/BD 007254	NVBC08/2026.45	
46	Lê Thị Thanh Trà	28.02.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305000121	HBT/BD 007255	NVBC08/2026.46	
47	Trương Quốc Trung	09.01.1991	Hà Nội	Nam	Kinh	001091041997	HBT/BD 007256	NVBC08/2026.47	
48	Phạm Xuân Tú	28.8.1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	024093015717	HBT/BD 007257	NVBC08/2026.48	
49	Đinh Đức Tùng	20.7.1988	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038088034512	HBT/BD 007258	NVBC08/2026.49	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
50	Trần Ngọc Tuyết	18.11.1972	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	027172000413	HBT/BD 007259	NVBC08/2026.50	
51	Dương Đức Vinh	09.02.1978	Hải Phòng	Nam	Kinh	031078004388	HBT/BD 007260	NVBC08/2026.51	

Tổng số: 51 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang